

**NGHỊ QUYẾT**

Về Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật công nghệ thông tin năm 2006;*

*Căn cứ Luật viễn thông năm 2009;*

*Căn cứ Luật bưu chính năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 321/2011/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;*

*Xét Tờ trình số 1116/TTr-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đề nghị thông qua Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát triển cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông hiện đại, an toàn, tiện lợi bảo đảm cung cấp dịch vụ đến mọi người dân, nhất là các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, góp phần phát triển kinh tế- xã hội, phục vụ tốt công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, quốc phòng an ninh. Ứng dụng công

nghe thông tin (CNTT) sâu rộng trong hoạt động của hệ thống chính trị, đặc biệt là các hoạt động liên quan đến doanh nghiệp, người dân; từng bước xây dựng chính quyền điện tử cấp tỉnh. Tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trong các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Lĩnh vực bưu chính: Xây dựng, phát triển mạng lưới Bưu chính tỉnh phát triển khá so với các tỉnh, thành trong vùng và cả nước. 100% các xã, phường, thị trấn có điểm phục vụ đa dạng về dịch vụ bưu chính và có thư, báo đến trong ngày; bán kính phục vụ bình quân 1 điểm đạt dưới 2,83 km/điểm.

- Lĩnh vực viễn thông: Mật độ thuê bao đạt 118,2 thuê bao/100 dân, trong đó: mật độ thuê bao điện thoại cố định đạt 2,4 thuê bao/100 dân, mật độ thuê bao điện thoại di động 115,8 thuê bao/100 dân; Mật độ thuê bao internet băng rộng cố định đạt 13 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định đạt 10%, tỷ lệ hộ gia đình có truy cập internet 25-30%, tỷ lệ người sử dụng internet 50-60%. 100% các xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được kết nối Internet băng rộng.

- Lĩnh vực Công nghệ thông tin: 100% cán bộ, công chức nhà nước cấp tỉnh, huyện và 70% cấp xã được trang bị máy tính phục vụ tác nghiệp; 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện có cán bộ chuyên trách hoặc phụ trách CNTT. 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh triển khai xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành, 100% UBND cấp xã có mạng LAN; Công dịch vụ công của tỉnh cung cấp 100% dịch vụ công mức độ 3 và 10% dịch vụ công mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp. Xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh ở mức độ khá so với các tỉnh trong cả nước về chỉ số sẵn sàng phát triển và ứng dụng CNTT (ICT index).

2. Quy hoạch phát triển Bưu chính, viễn thông và Công nghệ thông tin đến năm 2020

a) Bưu chính

Mạng điểm phục vụ: Đến năm 2020, toàn tỉnh có 191 điểm phục vụ bưu chính, phát triển mới 29 điểm phục vụ. *(Phụ lục I kèm theo)*

Mạng vận chuyển bưu chính: *(Phụ lục II kèm theo)*

Dịch vụ bưu chính: Cung cấp các loại hình dịch vụ bưu chính cơ bản và chuyên phát đến cấp xã. Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ tài chính, bảo hiểm, ngân hàng; dịch vụ bưu chính điện tử. Triển khai tự động hóa trong cung cấp dịch vụ; Tài chính bưu chính, datapost, dịch vụ thanh toán điện tử. Tăng cường cung cấp và sử dụng việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Viễn thông

Mạng chuyển mạch: Nâng cấp hệ thống mạng để tổng dung lượng đạt 73.000 lines, với dung lượng sử dụng dự kiến là 54.700 lines, hiệu suất sử dụng đạt 75%, phục vụ các thuê bao phát triển mới.

Mạng truyền dẫn: Cấp quang hóa các tuyến đường trục trên toàn tỉnh, đến trung tâm các huyện, xã; khu đô thị mới, các khu, cụm công nghiệp, du lịch, các

trung tâm thương mại; Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Cửa khẩu Quốc tế La Lay, Lao Bảo. Xây dựng mạng truy nhập quang tới khách hàng. Cấp quang hóa tới 100% trung tâm xã, 50 – 60% hạ tầng mạng cấp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng mới tuyến cáp quang biển từ đất liền ra huyện đảo Cồn Cỏ.

Mạng ngoại vi: Xây dựng hạ tầng công bố cấp ngầm mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh, ưu tiên tại các khu vực: tuyến đường chính tại các trung tâm chính trị, hành chính của tỉnh, huyện, thành phố, thị xã; khu du lịch, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan; khu đô thị mới; khu, cụm công nghiệp; khu kinh tế; các tuyến đường xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng.

Mạng thông tin di động: Quy hoạch phát triển mạng thông tin di động theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, tăng cường sử dụng các cột ăng ten không công kênh, thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị. Tỷ lệ sử dụng chung cơ sở hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động đạt 25 - 30%.

Mạng Internet: Tổng số công lắp đặt trên địa bàn toàn tỉnh đạt 156.709 công (tăng 70.869 công), dung lượng sử dụng đạt 86.568 công (tăng 52.765 công), hiệu suất sử dụng đạt 55,2%. Lắp đặt điểm Internet không dây ưu tiên tại các khu vực sau: Trung tâm thành phố; khu đô thị mới; khu du lịch, khu di tích; Nhà văn hóa trung tâm của tỉnh, công viên, khách sạn lớn, bệnh viện...

Dịch vụ viễn thông: Đẩy nhanh việc phổ cập dịch vụ viễn thông và Internet đến mọi người dân trên toàn tỉnh, trong đó tập trung phát triển phổ cập dịch vụ cho các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn. Tốc độ tăng trưởng dịch vụ viễn thông trên toàn tỉnh đạt 18 – 23,4%.

### c) Công nghệ thông tin

#### Ứng dụng công nghệ thông tin

Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành của các cấp, bảo đảm an toàn, an ninh, tính pháp lý của văn bản trao đổi, có thể tích hợp, chia sẻ với hệ thống quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc.

Xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên tất cả các ngành, lĩnh vực, trong đó ưu tiên đối với quản lý trên lĩnh vực tài nguyên môi trường, tài nguyên nông, lâm nghiệp, thủy sản; thuế và các đối tượng nộp thuế; quy hoạch đô thị và đầu tư xây dựng cơ bản; mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh.

Nâng cấp công dịch vụ công của tỉnh, tích hợp tất cả các dịch vụ công của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để cấp phép, thực hiện các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các ngành Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội phục vụ quản lý điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Đẩy mạnh việc triển khai thống nhất và đồng bộ các phần mềm quản lý trường học trong các cơ sở giáo dục và liên thông dữ liệu giữa các cấp học; Triển khai phần mềm quản lý bệnh viện đồng bộ trong toàn ngành Y tế, xây dựng bệnh án điện tử, tiến tới xây dựng bệnh viện điện tử, kết nối liên thông hệ thống thông tin của các bệnh viện trong mạng y tế.

Đẩy mạnh ứng dụng và khai thác CNTT trong khối doanh nghiệp. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (từ mức độ 3 trở lên) phục vụ người dân và doanh nghiệp. Ứng dụng giải pháp quản lý nguồn lực doanh nghiệp, quản lý và chăm sóc khách hàng, đầu tư phát triển môi trường giao dịch điện tử.

Triển khai xây dựng thành phố thông minh tại thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị.

*Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin*

Phát triển, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT hiện đại và đồng bộ, bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống chính trị. Nghiên cứu ứng dụng Tích hợp dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong toàn tỉnh, theo mô hình điện toán đám mây.

*Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin*

Đẩy mạnh việc đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ CNTT cho các cán bộ, công chức cơ quan Đảng và Nhà nước. Đào tạo nâng cao trình độ về quản trị, điều hành hệ thống thông tin, an toàn an ninh thông tin cho các cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin.

Rà soát, sắp xếp đề sáp nhập các Trung tâm tin học thuộc Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thành 01 Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông của tỉnh để triển khai ứng dụng, liên thông, chia sẻ dữ liệu, tận dụng hạ tầng dùng chung đồng bộ, hiện đại để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và ứng cứu mạng cho toàn tỉnh.

Thu hút nhân lực CNTT, các chuyên gia CNTT tại các tỉnh, thành trong cả nước về làm việc tại tỉnh Quảng Trị. Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ, ưu đãi đặc thù theo quy định của Pháp luật cho cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

*Công nghiệp công nghệ thông tin*

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho việc thu hút, kêu gọi các dự án đầu tư xây dựng, phát triển dịch vụ công nghiệp CNTT. Hỗ trợ phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ về CNTT; xây dựng và đào tạo đội ngũ nghiên cứu ứng dụng, thiết kế, phát triển các sản phẩm công nghệ cao, có hàm lượng trí tuệ cao.

3. Định hướng phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin đến năm 2030

a) Bưu chính: Phát triển các dịch vụ bưu chính tự động, thương mại điện tử như bán hàng qua bưu chính, bưu chính điện tử, chất lượng dịch vụ ngày càng cao đáp ứng nhu cầu mọi đối tượng khách hàng: Direct Mail (thư trực tiếp); Logistics (kho vận); mua hàng qua Bưu điện - thương mại điện tử.

b) Viễn thông: Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Tăng bước ngấm hóa mạng cáp thông tin đảm bảo an toàn mạng lưới và mỹ quan đô thị; Phát triển hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động theo hướng có kích thước nhỏ gọn, thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn. Phát triển dịch vụ viễn thông



với công nghệ hiện đại, cung cấp ứng dụng cho nhiều lĩnh vực như: Chính quyền điện tử, giáo dục, y tế, thương mại, du lịch, nông nghiệp...

c) Công nghệ thông tin: Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước, đặc biệt là tại các cơ quan cấp xã; Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đảm bảo đến năm 2030, cung cấp được 100% dịch vụ công mức độ 3 và 30% dịch vụ công mức độ 4; Xây dựng hạ tầng CNTT theo hướng công nghệ hiện đại, đồng bộ, đảm bảo khả năng kết nối liên thông giữa các cấp ngành từ Trung ương đến địa phương. Ngành công nghiệp điện tử của tỉnh phát triển trung bình so với các tỉnh trong cả nước.

#### 4. Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện quy hoạch

Giai đoạn 2017 – 2020, tổng kinh phí thực hiện quy hoạch là 885,857 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 42,239 tỷ đồng; Ngân sách địa phương là 48,858 tỷ đồng; Vốn doanh nghiệp, xã hội hóa là 794,76 tỷ đồng.

*(Phụ lục III kèm theo)*

#### 5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

##### a) Tuyên truyền và nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và nhân dân về quy hoạch phát triển lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin của tỉnh, đặc biệt là ứng dụng CNTT trong cơ quan Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân. Quán triệt sâu rộng trong đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động làm việc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT về nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc để hoàn thành các mục tiêu mà Nghị quyết đã đề ra.

##### b) Phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường đội ngũ chuyên gia quản lý, kinh tế, kỹ thuật giỏi trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT; Tăng cường công tác phổ cập tin học cho toàn xã hội; xây dựng và thực hiện các chính sách đào tạo cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, cán bộ lãnh đạo công nghệ thông tin. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập cho cán bộ công chức trong toàn tỉnh về kiến thức, kỹ năng ứng dụng công CNTT.

##### c) Huy động vốn đầu tư

Ngân sách Trung ương đầu tư cho các dự án CNTT then chốt, lồng ghép nguồn vốn của các ngành đầu tư từ ngân sách Trung ương. Ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án ứng dụng, tác nghiệp dùng chung, các cơ sở dữ liệu quan trọng, đầu tư phát triển nguồn nhân lực trong các cơ quan Đảng, Nhà nước. Sử dụng hiệu quả nguồn quỹ dịch vụ Viễn thông công ích, bưu chính công ích Việt Nam.

Tích cực huy động vốn từ xã hội hóa, các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước quan tâm đến đầu tư trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Triển khai hình thức thuê dịch vụ CNTT từ các doanh nghiệp CNTT; Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư nước ngoài về lĩnh vực CNTT

vào các khu công nghiệp, khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Triển khai đầu tư theo hình thức đối tác công tư đối với các dự án về lĩnh vực CNTT.

d) Quản lý nhà nước và cơ chế chính sách

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về thúc đẩy phát triển Chính quyền điện tử; Thực hiện thu hút các nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao làm việc trong cơ quan nhà nước; Tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, thủ tục hành chính cho doanh nghiệp trong quá trình xây dựng phát triển hạ tầng mạng lưới bưu chính, viễn thông và CNTT.

Nâng cao năng lực hoạt động của Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh; Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện quy hoạch các ngành gắn với quy hoạch bưu chính, viễn thông và CNTT; Giám sát, theo dõi việc xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh; Khi lập và phê duyệt quy hoạch, các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế mới và các công trình công cộng khác, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm lồng ghép nội dung quy hoạch bưu chính, viễn thông, CNTT; Tạo điều kiện để bưu chính phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ; Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động và phục vụ của các điểm Bưu điện Văn hoá xã; Rà soát, điều chỉnh quy mô hoặc thu hồi đất những điểm Bưu điện văn hoá xã không sử dụng hoặc sử dụng đất sai mục đích, giao cho các địa phương quản lý để thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trong các cơ quan Đảng, Nhà nước.

e) Phát triển cơ sở hạ tầng

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng, phát triển hạ tầng mạng lưới. Các địa phương quan tâm hỗ trợ, ưu đãi khi các doanh nghiệp đầu tư những khu vực có số người sử dụng dịch vụ thấp.

Nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng dùng chung ở những khu vực Nhà nước triển khai dự án đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng, sau đó cho các doanh nghiệp khác thuê lại hạ tầng viễn thông thụ động.

Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp để xây dựng hạ tầng theo hướng ngầm hóa hạ tầng viễn thông, cáp quang hóa truyền dẫn. Doanh nghiệp cùng đầu tư xây dựng hạ tầng và chia sẻ hạ tầng theo tỷ lệ nguồn vốn đóng góp hoặc theo thỏa thuận.

g) Khoa học và công nghệ

Triển khai áp dụng công nghệ mới trong đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng mạng lưới bưu chính, viễn thông và CNTT; Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT. Ưu tiên đầu tư cho các dự án nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ về phần mềm phù hợp với các định hướng phát triển của quốc gia và đồng bộ về công nghệ

h) An toàn, an ninh thông tin

Đầu tư trang bị và hoàn thiện hệ thống, trang thiết bị an toàn, an ninh thông tin có tính bảo mật ở mức độ cao; sử dụng phần mềm bản quyền và tính bảo mật

cao; Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng.

Tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; tăng cường tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 23 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực ngày 01/7/2017./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng QH, VP CP, VP CTN;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Bộ TTTT, Bộ Tài chính, Bộ KHĐT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Tòa án; VKSND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Các VP Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu trữ: Công báo tỉnh;
- Lưu: VT HĐND tỉnh.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hùng**

916

**Phụ lục I**  
**QUY HOẠCH MẠNG ĐIỂM PHỤC VỤ BƯU CHÍNH**  
**PHÁT TRIỂN MỚI ĐẾN NĂM 2020**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 23 tháng 5 năm 2017  
 của HĐND tỉnh Quảng Trị)



STT	Địa điểm	Loại điểm cung cấp dịch vụ	Số lượng điểm cung cấp dịch vụ	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng
1	2	3	4	5	8
<b>1</b>	<b>Thành phố Đông Hà</b>				
1.1	Khu công nghiệp Nam Đông Hà	Đại lý đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát	2017 - 2018
1.2	Cụm công nghiệp Đông Lễ	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2017 - 2018
<b>2</b>	<b>Thị xã Quảng Trị</b>				
2.1	Phường An Đôn	Đại lý bưu điện đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2017 - 2018
2.2	Khu vực di tích Thành cổ Quảng Trị	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2017 - 2018
2.3	Cụm công nghiệp Hải Lệ	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2017 - 2018
<b>3</b>	<b>Huyện Cam Lộ</b>				
3.1	Xã Cam Thanh	Đại lý bưu điện đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2019 - 2020
3.2	Cụm công nghiệp Cam Hiếu, Cam Tuyên	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2019 - 2020
<b>4</b>	<b>Huyện Đa Krông</b>				
4.1	Xã A Vao	Đại lý bưu điện đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2019 - 2020
4.2	Cụm công nghiệp Krông Klang, Tà Rụt	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2019 - 2020
4.3	Khu kinh tế Cửa khẩu La Lay	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2019 - 2020
<b>5</b>	<b>Huyện Gio Linh</b>				
5.1	Xã Gio Việt	Đại lý bưu điện đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2019 - 2020
5.2	Khu công nghiệp Quán Ngang	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2019 - 2020
5.3	Khu di tích Dốc Miều - Hàng rào điện tử Mc. Namara	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2019 - 2020
5.4	khu kinh tế Đông Nam (thị trấn Cửa Việt)	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	2019 - 2020
<b>6</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>				



STT	Địa điểm	Loại điểm cung cấp dịch vụ	Số lượng điểm cung cấp dịch vụ	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng
6.1	Khu công nghiệp Hải Lăng	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
6.2	Khu du lịch La Vang	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
6.3	Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019-2020
<b>7</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>				
7.1	Xã Hướng Linh	Đại lý bưu điện đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
7.2	Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo	Ki ốt lưu động	2	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
7.3	khu du lịch sinh thái hồ Rào Quán	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
<b>8</b>	<b>Huyện Triệu Phong</b>				
8.1	Xã Triệu Thành	Đại lý bưu điện đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
8.2	Xã Triệu Thượng	Đại lý bưu điện đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
8.3	Khu vực dịch vụ du lịch bãi tắm Triệu Lăng	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
<b>9</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>				
9.1	Xã Vĩnh Ô	Đại lý bưu điện đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
9.2	Khu công nghiệp Bắc Hồ Xá	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
9.3	Cụm công nghiệp Bến Quan	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
9.4	Khu du lịch địa đạo Vịnh Mốc	Ki ốt lưu động	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2019 - 2020
<b>10</b>	<b>Huyện đảo Cồn Cỏ</b>	Đại lý bưu điện đa dịch vụ	1	Doanh nghiệp bưu chính chuyên phát	2018-2019

**Phụ lục II**  
**QUY HOẠCH MẠNG VẬN CHUYỂN BƯU CHÍNH ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên đường thư	Loại phương tiện sử dụng	Số chuyên/ngày	Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng
<b>I</b>	<b>Mạng đường thư cấp 2</b>			
1.1	Đông Hà - Lao Bảo	ô tô	2	2017 - 2018
1.2	Đông Hà - Vĩnh Linh	ô tô	3	2017 - 2018
1.3	Đông Hà - Hải Lăng	ô tô	3	2017 - 2018
1.4	Đông Hà - Đông Hà	ô tô	3	2017 - 2018
1.5	Đông Hà - Gio Linh	ô tô	2	2017 - 2018
1.6	Đông Hà - Cam Lộ	ô tô	2	2017 - 2018
1.7	Đông Hà - Đakrông	ô tô	2	2017 - 2018
1.8	Đông Hà - Hướng Hóa	ô tô	2	2017 - 2018
2.9	Đông Hà - Triệu Phong	ô tô	2	2017 - 2018
1.10	Đông Hà - Thị xã Quảng Trị	ô tô	2	2017 - 2018
1.11	Đông Hà - Đảo Cồn Cỏ	ô tô+Tàu thủy	1	2018-2019
<b>II</b>	<b>Mạng đường thư cấp 3</b>			
<b>2.1</b>	<b>Thành phố Đông Hà</b>			
1	Nội thị (Lê Lợi-Hàm Nghi-Hùng Vương-Lương An-Sông)	ô tô, xe máy	5	2017 - 2018
<b>2.2</b>	<b>Thị xã Quảng Trị</b>			
1	TX Quảng Trị - Thạch Hãn	ô tô, xe máy	3	2017 - 2018
<b>2.3</b>	<b>Huyện Cam Lộ</b>			
1	Cam Lộ - Tân Lâm	xe máy	2	2019 - 2020
2	Cam Lộ - Cù	xe máy	2	2019 - 2020
<b>2.4</b>	<b>Huyện Đa Krông</b>			
1	Đakrông - Tà Rụt	xe máy	1	2019 - 2020
<b>2.5</b>	<b>Huyện Gio Linh</b>			
1	Gio Linh - Gio Sơn	xe máy	2	2019 - 2020
2	Gio Linh - Chợ Kên	xe máy	2	2019 - 2020
3	Gio Linh - Bắc Cửa Việt	ô tô, xe máy	2	2019 - 2020
<b>2.6</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>			
1	Hải Lăng - Hội Yên - Phường Lang	xe máy	2	2019 - 2020
2	Hải Lăng - Mỹ Chánh	xe máy	2	2019 - 2020
<b>2.7</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>			
1	Hướng Hóa - Lao Bảo	ô tô, xe máy	2	2019 - 2020
<b>2.8</b>	<b>Huyện Triệu Phong</b>			
1	Triệu Phong - Chợ Thuận - Bồ Bản - Nam Cửa Việt	ô tô, xe máy	2	2019 - 2020
2	Triệu Phong - Chợ Cạn	xe máy	2	2019 - 2020
<b>2.9</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>			
1	Vĩnh Linh - Bến Quan	xe máy	2	2019 - 2020
2	Vĩnh Linh - Chợ Do	xe máy	2	2019 - 2020

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC CÁC ĐIỂM ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết 06/2017/NQ-HĐND ngày 23 tháng 5 năm 2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2017 - 2020			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, Xã hội hóa	
<b>I</b>	<b>Bưu chính</b>				0,000	1,080	25,070	26,150
1	Phát triển mạng điểm phục vụ xây dựng nông thôn mới	Doanh nghiệp	Quy hoạch mạng điểm phục vụ xây dựng nông thôn mới, đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn có điểm phục vụ bưu chính	2017 - 2019			1,600	1,600
2	Phát triển mới các điểm Kí ốt bưu chính (kí ốt lưu động)	Doanh nghiệp	Quy hoạch mạng điểm phục vụ theo định hướng phát triển không gian khu, cụm công nghiệp, du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.	2017 - 2020			3,200	3,200
3	Xây dựng thư viện tại các điểm Bưu điện - Văn hóa xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng mô hình cung cấp thông tin, đảm bảo 100% Bưu điện - Văn hóa xã	2017 - 2020		1,080		1,080
4	Xây dựng hệ thống trung tâm thông tin cơ sở	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thông tin kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, thông tin thị trường, đảm bảo 100% Bưu điện - Văn hóa xã	2017 - 2020			16,200	16,200
5	Ứng dụng công nghệ mới trong bưu chính	Doanh nghiệp	Nâng cao chất lượng dịch vụ.	2017 - 2020			4,070	4,070
<b>II</b>	<b>Viễn thông</b>				0,000	0,800	568,450	569,250
1	Hạ tầng viễn thông thụ động mạng cố định	Doanh nghiệp	Mở rộng phạm vi cung cấp và chất lượng dịch vụ viễn thông.	2017 - 2020			24,240	24,240
2	Hạ tầng viễn thông thụ động mạng di động	Doanh nghiệp	Mở rộng phạm vi cung cấp và chất lượng dịch vụ viễn thông.	2017 - 2020			93,720	93,720
3	Mạng di động	Doanh nghiệp	Mở rộng phạm vi cung cấp và chất lượng dịch vụ viễn thông.	2017 - 2020			70,290	70,290

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2017 - 2020			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, Xã hội hóa	
4	Mạng cố định	Doanh nghiệp	Mở rộng phạm vi cung cấp và chất lượng dịch vụ viễn thông.	2017 - 2020			20,200	20,200
5	Ngầm hóa mạng ngoại vi	Doanh nghiệp	Hạ ngầm mạng cáp viễn thông nhằm đảm bảo cảnh quan đô thị, tăng cường chất lượng dịch vụ.	2017 - 2020			360,000	360,000
6	Phần mềm quản lý hạ tầng viễn thông bằng hệ thống bản đồ số	Sở Thông tin và Truyền thông	Ứng dụng phần mềm quản lý hạ tầng viễn thông phục vụ quản lý nhà nước	2017 - 2020		0,800		0,800
<b>III</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>				<b>42,239</b>	<b>46,978</b>	<b>201,240</b>	<b>290,457</b>
<b>1</b>	<b>Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</b>				<b>8,000</b>	<b>8,300</b>	<b>31,500</b>	<b>47,800</b>
1.1	Nâng cấp hệ thống mạng LAN, trang thiết bị tin học cho các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Nâng cấp hệ thống mạng LAN, trang thiết bị tin học cho các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2017 - 2019		3,000		3,000
1.2	Nâng cấp hệ thống mạng LAN, trang thiết bị tin học cho các xã, phường, thị trấn	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Nâng cấp hệ thống mạng LAN, trang thiết bị tin học cho các xã, phường, thị trấn (đầu tư theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin)	2017 - 2020		3,000		3,000
1.3	Kết nối mạng diện rộng của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Mở rộng, đầu tư kết nối cho tất cả Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và kết nối thông suốt phục vụ công tác quản lý, điều hành và tác nghiệp tại các cơ quan các cấp	2017 - 2020		1,700		1,700
1.4	Xây dựng trung tâm dữ liệu (DataCenter) và hệ thống bảo mật	Sở Thông tin và Truyền thông	Đầu tư hạ tầng máy chủ, đường truyền, bảo mật, giám sát, quản lý... trên nền tảng điện toán đám mây phục vụ cho việc lưu trữ và vận hành các ứng dụng trọng yếu cho hệ thống Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	2017 - 2018	8,000			8,000



TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2017 - 2020			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, Xã hội hóa	
1.5	Ứng dụng và phát triển chữ ký số	Sở Thông tin và Truyền thông	Tổ chức đăng ký, cấp phát, tập huấn hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho các cơ quan, cán bộ công chức tỉnh Quảng Trị, xây dựng một số module tích hợp các ứng dụng sẵn có phục vụ ký số...	2017 - 2020		0.600		0,600
1.6	Đầu tư phòng học công nghệ thông tin; trang bị máy tính, kết nối mạng LAN phục vụ quản lý và giảng dạy cho các trường từ trung học phổ thông đến tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đảm bảo hỗ trợ tốt công tác dạy và học của giáo viên, học sinh trong các trường học; đảm bảo 100% các trường đều có phòng máy tính và đưa môn tin học vào chương trình giảng dạy môn học tự chọn, ngoại khóa	2017 - 2020			22,800	22,800
1.7	Đầu tư trang bị máy tính, kết nối mạng LAN, Internet cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, khám và chữa bệnh tại các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh	2017 - 2020			8,700	8,700
<b>2</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước</b>				<b>32,239</b>	<b>16,596</b>	<b>30,300</b>	<b>79,135</b>
2.1	Nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Đầu tư giải pháp triển khai đồng bộ hệ thống thư điện tử công vụ trên nền tảng công nghệ điện toán đám mây đáp ứng nhu cầu cấp phát, giao dịch điện tử trong các cơ quan nhà nước	2019 - 2020	2,000			2,000
2.2	Đầu tư nâng cấp và triển khai đồng bộ Hệ thống văn phòng điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai đồng bộ Hệ thống văn phòng điện tử liên thông từ cấp tỉnh đến tận cấp xã	2019 - 2020	2,000			2,000
2.3	Xây dựng Hệ thống hội nghị truyền hình cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng Hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh đáp ứng văn bản số 1655/BT/TTT-ƯDCNTT ngày 27/5/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông	2019 - 2020	5,000			5,000

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2017 - 2020			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, Xã hội hóa	
2.4	Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng Hệ thống hội nghị truyền hình tại Ủy ban nhân dân cấp huyện (khoảng 6 điểm cấp huyện và liên thông đến 5 điểm cấp xã)	2017 - 2020	4,000	2,000		6,000
2.5	Xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành	Các sở, ban, ngành	Đảm bảo tin học hóa các hoạt động nghiệp vụ trong cơ quan nhà nước.	2017 - 2020		3,500	19,000	22,500
2.6	Ứng dụng và phát triển phần mềm mã nguồn mở (MNM)	Sở Thông tin và Truyền thông	Phát triển một số phần mềm ứng dụng trên nền tảng phần mềm MNM, tổ chức chuyển đổi các phần mềm nguồn đóng sang phần mềm MNM...	2017 - 2020		0,400		0,400
2.7	Triển khai cơ sở dữ liệu GIS nền trên mạng Internet	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng phần mềm phục vụ cập nhật, quản trị CSDL GIS nền, mua bản quyền phần mềm ArcGIS Server hỗ trợ vận hành GIS nền	2018 - 2019		4,500		4,500
2.8	Xây dựng hệ thống thông tin kinh tế xã hội tỉnh Quảng Trị	Sở Thông tin và Truyền thông	Hoàn thiện, triển khai hệ thống thông tin kinh tế xã hội tỉnh Quảng Trị trên mạng internet	2017 - 2018		0,396		0,396
2.9	Xây dựng khung kiến trúc nền tảng và tích hợp hệ thống ứng dụng chính phủ điện tử theo hướng chuẩn mở của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng một nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh: bao gồm các dịch vụ: Dịch vụ thư mục, dịch vụ quản lý định danh, dịch vụ cấp quyền truy cập, dịch vụ thanh toán điện tử (e-payment), dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ trao đổi thông tin/dữ liệu, dịch vụ tích hợp. - Xây dựng mô hình liên thông nghiệp vụ giữa các cơ quan (ngang dọc), chuẩn trao đổi, tích hợp dữ liệu	2017 - 2018	8,000	1,800		9,800

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2017 - 2020			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, Xã hội hóa	
2.10	Xây dựng cơ sở dữ liệu cập nhật, số hóa và khai thác thông tin hồ sơ, tài liệu tại Lưu trữ lịch sử	Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh	Xây dựng cơ sở dữ liệu cập nhật, số hóa và khai thác thông tin hồ sơ, tài liệu tại Lưu trữ lịch sử	2018 - 2019		2,000		2,000
2.11	Xây dựng hệ thống thông tin ứng dụng công nghệ thông tin trong văn hóa, du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cung cấp thông tin du lịch, giới thiệu tiềm năng du lịch, quảng bá du lịch...	2018 - 2020		0,200	1,300	1,500
2.12	Xây dựng hệ thống thông tin ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp	2018 - 2020		0,300	1,500	1,800
2.13	Xây dựng hệ thống tổng thể giao thông thông minh	Sở Giao thông Vận tải	Cung cấp các dịch vụ có tính cách tân trong lĩnh vực quản trị hệ thống giao thông, hướng đến hệ thống giao thông an toàn hơn, an ninh hơn, thuận tiện hơn	2017 - 2020		1,500	8,500	10,000
2.14	Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài chính tỉnh Quảng Trị	Sở Tài chính	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	2017 - 2018	11,239			11,239
<b>3</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp</b>				<b>2,000</b>	<b>6,412</b>	<b>0,000</b>	<b>8,412</b>
3.1	Nâng cấp trang thông tin điện tử thành cổng thông tin điện tử	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Xây dựng mới Cổng thông tin điện tử của tỉnh, tích hợp cổng thành phần của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	2019 - 2020	2,000			2,000
3.2	Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị	Sở Thông tin và Truyền thông	Hoàn thiện và triển khai đồng bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	2017 - 2018		1,812		1,812
3.3	Triển khai Hệ thống Một cửa điện tử	Sở Nội vụ và Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai đồng bộ hệ thống một cửa điện tử liên thông tại tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Năm 2017		0,600		0,600

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2017 - 2020			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, Xã hội hóa	
3.4	Xây dựng Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị	Sở Công thương	Nâng cấp Công nghệ thông tin doanh nghiệp nhỏ và vừa Quảng Trị thành Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị	2017 - 2020		2.000		2,000
3.5	Xây dựng hệ thống thư điện tử cho doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng hệ thống thư điện tử hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin	2017 - 2020		2.000		2,000
<b>4</b>	<b>Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin</b>				<b>0,000</b>	<b>2,000</b>	<b>0,000</b>	<b>2,000</b>
4.1	Đào tạo Lãnh đạo công nghệ thông tin (CIO)	Sở Thông tin và Truyền thông	Trang bị kiến thức và kỹ năng hoạch định, xây dựng chính sách, kế hoạch, đề án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin cho Lãnh đạo các cấp	2017 - 2020		0,200		0,200
4.2	Đào tạo cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Đào tạo các kiến thức, kỹ năng về quản trị mạng, phân tích thiết kế hệ thống, bảo mật... cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại các đơn vị	2017 - 2020		0,800		0,800
4.3	Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng sử dụng và khai thác phần mềm mã nguồn mở; kỹ năng sử dụng mạng và khai thác thông tin trên mạng, kỹ năng tin học văn phòng nâng cao cho cán bộ, công chức từ cấp xã đến cấp tỉnh	2017 - 2020		1,000		1,000
<b>5</b>	<b>Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực đời sống xã hội</b>				<b>0,000</b>	<b>9,670</b>	<b>19,440</b>	<b>29,110</b>
5.1	Triển khai ứng dụng các chương trình quản lý giáo dục và các phần mềm giảng dạy tại các trường học các cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đổi mới phương pháp quản lý giáo dục và phương pháp giảng dạy; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tại các trường học các cấp trên địa bàn tỉnh	2017 - 2020			19,440	19,440



TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2017 - 2020			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, Xã hội hóa	
5.2	Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thư viện	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thư viện trong ngành giáo dục và đào tạo	Năm 2017		1,620		1,620
5.3	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ y tế và bệnh án điện tử	Sở Y tế	Lưu trữ hồ sơ y tế của người dân khi đến khám tại các đơn vị trong toàn tỉnh và hệ thống bệnh án điện tử	2018 - 2019		2,000		2,000
5.4	Phần mềm quản lý, tổ chức bộ máy, biên chế quản lý vị trí việc làm của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ	Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức	2017		0,750		0,750
5.5	Phần mềm hỗ trợ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức	2017		0,300		0,300
5.6	Xây dựng CSDL Hộ tịch điện tử toàn quốc trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Tư Pháp	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật CNTT, phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch cho các phòng Tư pháp và Sở Tư pháp	2017-2019		5,000		5,000
6	<b>Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại, dịch vụ</b>				0,000	0,000	120,000	120,000
6.1	Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong doanh nghiệp	Sở Công thương và các doanh nghiệp	Đầu tư hệ thống máy tính, mạng LAN, WAN; phần mềm, ứng dụng quản lý tổng thể xí nghiệp (ERP); xây dựng, nâng cấp hệ thống Website tại các doanh nghiệp...	2017 - 2020			120,000	120,000
7	<b>Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin</b>				0,000	0,000	0,000	0,000
7.1	Phát triển công nghiệp phần cứng	Sở Thông tin và Truyền thông	Đưa ngành công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh trở thành ngành công nghiệp quan trọng, có đóng góp lớn trong GDP toàn tỉnh	2017 - 2020	Tùy thuộc vào quy mô thu hút nguồn vốn xã hội hóa phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh			0,000
7.2	Phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số	Sở Thông tin và Truyền thông		2017 - 2020				0,000

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2017 - 2020			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, Xã hội hóa	
8	An toàn và bảo mật thông tin				0,000	4,000	0,000	4,000
8.1	Đầu tư triển khai các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn an ninh thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Đầu tư triển khai các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn an ninh thông tin cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	2017-2020		4.000		4,000
<b>Tổng</b>					<b>42,239</b>	<b>48,858</b>	<b>794,760</b>	<b>885,857</b>